

HƯỚNG DẪN CHẤM

(Gồm 6 trang)

Câu	NỘI DUNG	Điểm
1	Điều kiện tự nhiên có tác động như thế nào đến sự phát triển kinh tế, quy mô quốc gia, thể chế chính trị của các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây? Sự tác động đó đã phản ánh quy luật lịch sử nào trong thời kì cổ đại?	2,5
	* Khái quát điều kiện tự nhiên của các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây:	0,5
	- Các quốc gia cổ đại phương Đông được hình thành trên lưu vực các dòng sông lớn ở châu Á, châu Phi, như sông Nin (Ai Cập), Ô-Phơ-rat và Ti-gơ-rơ (Lưỡng Hà), sông Ấn, sông Hằng (Ấn Độ)... có đồng bằng rộng lớn, đất canh tác nhiều, đất phù sa màu mỡ. Khí hậu nóng ẩm, mưa đều đặn theo mùa...	0,25
	- Các quốc gia cổ đại phương Tây ra đời ở ven bờ Địa Trung Hải, có những dãy núi cao từ lục địa chạy dài ra biển, ngăn cách giữa các thung lũng tạo thành những đồng bằng nhỏ hẹp. Khí hậu ẩm áp trong lành. Phần lớn lãnh thổ là núi và cao nguyên. Đất canh tác ít, không màu mỡ, chủ yếu là đất ven đồi, khô và rắn.	0,25
	* Những tác động của điều kiện tự nhiên đến sự phát triển kinh tế, quy mô quốc gia, thể chế chính trị của các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây:	1,5
	- Điều kiện tự nhiên tác động đến sự phát triển kinh tế: + Phương Đông: Do được hình thành trên lưu vực các dòng sông lớn, có đồng bằng rộng, đất canh tác nhiều, phù sa màu mỡ, khí hậu nóng ẩm, mưa đều đặn theo mùa... nên ngành sản xuất chính là nông nghiệp. + Phương Tây: Do lãnh thổ bị chia cắt, địa hình chủ yếu là biển, đảo, đất đai chủ yếu núi và cao nguyên... nên nông nghiệp kém phát triển, ngược lại thủ công nghiệp và thương nghiệp biển rất phát triển trở thành ngành kinh tế chủ đạo.	0,5
	- Điều kiện tự nhiên tác động đến quy mô quốc gia: + Phương Đông: Do được hình thành trên lưu vực các dòng sông lớn, đồng bằng bằng phẳng rộng lớn, có điều kiện tập trung dân cư... nên các quốc gia cổ đại phương Đông có quy mô quốc gia lớn. + Phương Tây: Do lãnh thổ bị chia cắt, đồng bằng nhỏ nên quy mô quốc gia nhỏ.	0,5
	- Điều kiện tự nhiên tác động đến thể chế chính trị: + Phương Đông: Do nhu cầu sản xuất nông nghiệp, yêu cầu thủy lợi cần huy động sức của nhiều người nên cần một người đứng đầu, có uy tín đứng ra tổ chức... Vì vậy thể chế chính trị của các quốc gia cổ đại phương Đông là nhà nước chuyên chế cổ đại (chế độ nhà nước do vua đứng đầu, có quyền lực tối cao). + Phương Tây: Thế lực kinh tế của chủ nô lớn đã đánh bại quyền lực của quý tộc thị tộc cũ gắn với ruộng đất, kết quả của quá trình này là hình thành nên nền dân chủ chủ nô.	0,5
	* Sự tác động đó đã phản ánh quy luật lịch sử: Điều kiện tự nhiên là một	0,5

Câu	NỘI DUNG	Điểm
	trong những nhân tố tác động thường xuyên và quyết định đến sự hình thành và phát triển của các quốc gia, nhất là trong thời kỳ cổ đại. <i>(Lưu ý: HS không nêu được quy luật trên mà nêu quy luật: Kinh tế quyết định chính trị, xã hội... thì cũng cho điểm)</i>	
2.	Phân tích những yếu tố tác động đến sự phát triển thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mĩ Latinh từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000.	3,0
	- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mĩ Latinh phát triển mạnh mẽ, làm sụp đổ hoàn toàn hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân, đế quốc, đưa đến sự ra đời của hàng trăm quốc gia dân tộc độc lập. Sự phát triển và thắng lợi đó do những yếu tố sau:	0,25
	<i>Khách quan:</i>	
	- Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc với sự thất bại của chủ nghĩa phát xít đã tạo thời cơ thuận lợi cho các nước Á, Phi, Mĩ Latinh đứng lên giành độc lập, tiêu biểu như các nước Đông Nam Á...	0,25
	- Sự suy yếu của chủ nghĩa đế quốc thực dân đã tạo điều kiện và cơ hội cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc phát triển và giành thắng lợi. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai các nước đế quốc không những bị thiệt hại nặng nề ở chính quốc mà còn bị giáng đòn chí tử ở các thuộc địa làm cho thế, lực bị suy yếu. Lợi dụng tình hình đó nhân dân các nước thuộc địa, phụ thuộc đã nổi dậy đấu tranh và giành thắng lợi...	0,25
	- Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới, với thành trì vững chắc là Liên Xô, đã thực hiện chính sách giúp đỡ, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc, góp phần đem lại thắng lợi cho các nước ở Á, Phi, Mĩ Latinh...	0,25
	- Phong trào công nhân, phong trào hòa bình, dân chủ... trên thế giới phát triển góp phần thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi, Mĩ Latinh phát triển mạnh mẽ.	0,25
	- Những nguyên tắc hoạt động và các nghị quyết tiến bộ của Liên hợp quốc (Nghị quyết giải trừ chủ nghĩa thực dân, Nghị quyết giải trừ quân bị...) đã tạo cơ sở pháp lí cho phong trào giải phóng dân tộc phát triển.	0,25
	<i>Chủ quan:</i>	
	- Chính sách áp bức bóc lột của chủ nghĩa thực dân và tay sai phản động đã dẫn đến mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp ở các nước ngày càng trở nên gay gắt làm cho phong trào giải phóng dân tộc bùng nổ và phát triển mạnh mẽ.	0,5
	- Sự lớn mạnh của lực lượng cách mạng ở các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc là nhân tố quyết định đến sự bùng nổ và thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mĩ Latinh. Đây là yếu tố quyết định thắng lợi đến sự phát triển thắng lợi của phong trào.	0,5
	Như vậy sự bùng nổ, phát triển thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai là sự kết hợp nhuần nhuyễn của những yếu tố khách quan và chủ quan, trong đó yếu tố chủ quan đóng vai trò quyết định.	0,5
3	Trình bày nội dung và tác động của cải cách về chính trị của Lê Thánh Tông ở thế kỉ XV. Nội dung cải cách trên đã để lại bài học gì cho công cuộc xây dựng đất nước hiện nay?	2,5

Câu	NỘI DUNG	Điểm
	* Nội dung của cải cách về chính trị của Lê Thánh Tông ở thế kỉ XV:	1,5
	- Tổ chức bộ máy nhà nước: + Ở trung ương: Chức Tể tướng và các chức Đại hành khiển bị bãi bỏ. Vua trực tiếp quyết định mọi việc. Bên dưới là 6 bộ (Lai, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công). Các cơ quan như Ngự sử đài, Hàn lâm viện được duy trì với quyền hành cao hơn.	0,5
	+ Ở địa phương: Bỏ các đạo, lộ, chia cả nước thành 13 đạo thừa tuyên. Mỗi đạo có 3 ti phụ trách quân sự, dân sự và an ninh. Dưới đạo là các phủ, huyện, châu, xã, đứng đầu xã là Xã trưởng do dân bầu ra.	0,25
	- Về tuyển chọn quan lại: Thi cử trở thành hình thức tuyển chọn quan lại chủ yếu, những người đỗ đạt xuất thân từ những thành phần khác nhau dần dần trở thành tầng lớp thống trị được ban cấp ruộng đất. Nhờ đó, nhà nước mới thực sự trọng dụng được người tài, đóng góp cho việc quản lý và xây dựng đất nước.	0,25
	- Về luật pháp: Nhà nước ban hành bộ luật Hồng Đức nhằm bảo vệ quyền thống trị của nhà nước phong kiến tập quyền, bảo vệ tôn ti trật tự phong kiến.	0,25
	- Quân đội được tổ chức chặt chẽ và theo chế độ “ngụ binh ư nông”, được trang bị vũ khí đầy đủ. Vua trực tiếp nắm quân đội.	0,25
	* Tác động của cải cách về chính trị của Lê Thánh Tông ở thế kỉ XV:	0,5
	- Hoàn thiện, kiện toàn bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền, tăng cường và phát triển mức độ tập trung quyền lực vào tay vua.	0,25
	- Đưa Đại Việt trở thành quốc gia phong kiến lớn mạnh ở khu vực Đông Nam Á.	0,25
	* Bài học kinh nghiệm cho công cuộc xây dựng đất nước hiện nay:	0,5
	- Cần quan tâm, chú trọng vấn đề xây dựng, kiện toàn bộ máy nhà nước, quan tâm thường xuyên đến công tác nhân sự.	0,25
	- Cải cách hành chính gọn nhẹ, thực hiện chính phủ điện tử... Xây dựng, củng cố pháp luật, quân đội.	0,25
4.	Kinh tế Đại Việt trong các thế kỉ XVI - XVIII có những nét mới gì so với thế kỉ X - XV? Nguyên nhân nào thúc đẩy sự phát triển của ngoại thương Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII?	3,0
	Kinh tế Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII có những nét mới so với thế kỉ X - XV:	1,75
	Nét mới bao trùm của kinh tế Đại Việt trong các thế kỉ XVI - XVIII là sự xuất hiện những tiền đề của nền kinh tế hàng hóa giản đơn/ mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa, biểu hiện trên nhiều lĩnh vực:	0,25
	- Nông nghiệp: Các thế kỉ XVI - XVIII, diện tích đất khai hoang ngày càng được mở rộng, quy mô sản xuất nông nghiệp lớn, tạo ra nhiều sản phẩm để xuất khẩu. Nhiều giống lúa mới được đưa vào sản xuất, đúc kết nhiều kinh nghiệm...	0,5
	- Thủ công nghiệp: Nếu các thế kỉ X - XV thủ công nghiệp chủ yếu diễn ra trong các làng nghề hoặc quan xưởng của nhà nước, thì các thế kỉ XVI - XVIII các thợ thủ công đã ra thành thị lập phường vừa sản xuất, vừa buôn bán. Trong lĩnh vực khai mỏ đã xuất hiện hiện tượng bao thầu, thuê nhân công.	0,5
	- Thương nghiệp:	
	+ Nội thương: Nếu các thế kỉ X - XV buôn bán chỉ diễn ra trong các chợ làng, chợ huyện và thường là buôn bán nhỏ thì các thế kỉ XVI - XVIII đã có trung	0,25

Câu	NỘI DUNG			Điểm
	tâm buôn bán của vùng, sự xuất hiện của các làng buôn với hình thức buôn bán lớn như buôn chuyển, buôn thuyền...			
	+ Ngoại thương: Nếu các thế kỉ X - XV chủ yếu buôn bán với các thương nhân phương Đông như Trung Quốc, Xiêm... thì các thế kỉ XVI - XVIII có buôn bán với nhiều thương nhân phương Tây như Hà Lan, Anh, Pháp... Nhiều thương nhân nước ngoài đã xin lập phố xá, cửa hàng để buôn bán lâu dài, dẫn đến sự hưng khởi của các đô thị.			0,25
	* Nguyên nhân thúc đẩy sự phát triển của ngoại thương Đại Việt trong các thế kỉ XVI – XVIII:			1,25
	- Nông nghiệp, thủ công nghiệp phát triển tạo ra nhiều hàng hoá thúc đẩy thương nghiệp phát triển đặc biệt là ngoại thương.			0,25
	- Điều kiện bờ biển nước ta thuận lợi cho tàu thuyền ra vào, nước ta có nhiều sản vật thiên nhiên quý được nhiều nước ưa chuộng.			0,25
	- Do chính sách mở cửa của chính quyền Trịnh - Nguyễn.			0,25
	- Do phát kiến địa lý tạo điều kiện giao lưu Đông - Tây thuận lợi.			0,25
	- Do sự biến động tình hình chính trị ở một số nước như Trung Quốc, Nhật Bản, Xiêm... đã tạo cơ hội cho sự phát triển ngoại thương Đại Việt.			0,25
5	Lập bảng so sánh cuộc kháng chiến chống Tống (1075 – 1077) và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427) theo các tiêu chí: Hoàn cảnh lịch sử, chiến thắng quyết định, nghệ thuật quân sự. Nghệ thuật kết thúc chiến tranh của cuộc kháng chiến, khởi nghĩa trên để lại bài học gì cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay?			3,0
	a. Lập bảng so sánh.			2,5
	Nội dung	Kháng chiến chống Tống thời Lý	Khởi nghĩa Lam Sơn chống Minh	
	Hoàn cảnh lịch sử (0,25)	Đại Việt đang trong thời kì độc lập, vươn lên xây dựng đất nước, quân Tống có âm mưu xâm lược nước ta.	Đại Việt rơi vào ách đô hộ của nhà Minh từ năm 1407.	
	Chiến thắng quyết định (0,25)	Chiến thắng trên sông Như Nguyệt	Trận Chi Lăng – Xương Giang.	
	Nghệ thuật quân sự (2,0)	- Thực hiện chủ trương “Tiên phát chế nhân”, chủ động tấn công sang đất Tống rồi rút lui về. - Chủ động xây dựng phòng tuyến trên sông Như Nguyệt đợi giặc. - Kết hợp tiến công quân sự và chiến tranh tâm lý. - Chủ động kết thúc chiến tranh bằng giảng hòa, đặt quan hệ hòa hiếu.	- Thời kì đầu chủ động xây dựng lực lượng và căn cứ để phòng thủ, giai đoạn sau chuyển sang tiến công. - Chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc. Lấy ít địch nhiều, lấy yếu thắng mạnh. - Kết hợp chiến thuật “công tâm”, gửi thư dụ hàng. - Chủ động kết thúc chiến tranh bằng giảng hòa.	
	b. Nghệ thuật kết thúc chiến tranh của cuộc kháng chiến, khởi nghĩa trên			0,5

Câu	NỘI DUNG	Điểm
	để lại bài học cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay:	
	<i>Nghệ thuật kết thúc chiến tranh:</i> Giành thắng lợi quân sự quyết định, chủ động giảng hoà để kết thúc chiến tranh, đặt quan hệ hòa hiếu.	0,25
	<i>Bài học kinh nghiệm cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay (Học sinh có thể trình bày theo cách khác nhau nhưng đảm bảo nội dung sau):</i> Xây dựng và củng cố quốc phòng, đấu tranh ngoại giao khéo léo, giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền của các nước.	0,25
6	Trình bày ý kiến của anh/chị về nhận định: Nét nổi bật của văn hóa Đại Việt các thế kỉ XVI - XVIII là sự nở rộ của văn hóa dân gian. Kể tên một số loại hình nghệ thuật dân gian của Việt Nam được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể thế giới.	3,0
	* Trình bày ý kiến về nhận định: Nét nổi bật của văn hóa Đại Việt các thế kỉ XVI - XVIII là sự nở rộ của văn hóa dân gian.	2,0
	- Nhận định: Nét nổi bật của văn hóa Đại Việt các thế kỉ XVI - XVIII là sự nở rộ của văn hóa dân gian là đúng.	0,25
	- Đời sống văn hoá nước ta các thế kỉ XVI - XVIII có nhiều chuyển biến. Bên cạnh sự suy thoái của ý thức hệ chính thống và những chuẩn mực cũ là “sự nở rộ của văn hóa dân gian” được thể hiện rõ nét trong văn học, nghệ thuật.	0,25
	- Văn học: Trong khi văn học chính thống có phần suy thoái thì văn học dân gian phát triển khá rầm rộ với hàng loạt ca dao, tục ngữ, truyện cười... vừa nói lên tâm tư nguyện vọng của nhân dân về một cuộc sống tự do, thoát khỏi các ràng buộc của lễ giáo phong kiến, vừa ca ngợi quê hương, đất nước, phản ánh những phong tục, tập quán vùng miền...	0,5
	- Nghệ thuật: + Nghệ thuật sân khấu như chèo, tuồng, hát ả đào, hát quan họ, ví dặm... hết sức phong phú, đa dạng phản ánh đời sống và ước vọng của nhân dân. + Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc: Trên các vì, kèo ở những ngôi đình làng, các nghệ nhân đã khắc lên những cảnh sinh hoạt thường ngày ở làng quê như chèo thuyền, đi cày, đi bừa, đấu vật, nô đùa, hát xướng... phản ánh được cuộc sống của người dân thường.	0,5 0,5
	* Một số loại hình nghệ thuật dân gian của Việt Nam được UNESCO công nhận là di sản văn hoá phi vật thể thế giới: Dân ca quan họ Bắc Ninh, hát xoan Phú Thọ, ví dặm Nghệ Tĩnh, đờn ca tài tử Nam Bộ, cồng chiêng Tây Nguyên...	1,0
7.	Phân tích sự chuyển biến của xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất? Sự chuyển biến đó có tác động như thế nào đối với phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam?	3,0
	* Sự chuyển biến của các giai cấp trong xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất:	2,0
	Cuộc cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, cùng với chính sách áp bức, bóc lột của thực dân Pháp đã làm cho xã hội Việt Nam có nhiều chuyển biến sâu sắc. Bên cạnh những giai cấp cũ có sự phân hóa, xuất hiện những tầng lớp, giai cấp mới. Mỗi giai cấp, tầng lớp có những quyền lợi kinh tế riêng nên thái độ chính trị và khả năng cách mạng khác nhau.	0,25
	- <i>Giai cấp địa chủ phong kiến:</i> Tiếp tục bị phân hóa, đại địa chủ có quyền lợi gắn chặt với chính quyền thực dân nên là đối tượng của cách mạng, một bộ	0,25

Câu	NỘI DUNG	Điểm
	phận không nhỏ tiêu và trung địa chủ tham gia phong trào dân tộc, dân chủ, chống Pháp và tay sai.	
	- <i>Giai cấp nông dân</i> : Bị đế quốc, phong kiến thống trị tước đoạt ruộng đất, bị bóc lột cùng hóa. Mâu thuẫn giữa nông dân Việt Nam với thực dân Pháp và phong kiến tay sai gay gắt. Nông dân là một lực lượng cách mạng to lớn của dân tộc.	0,25
	- <i>Giai cấp tiểu tư sản</i> : Phát triển nhanh về số lượng, có tinh thần chống đế quốc và tay sai. Đặc biệt bộ phận học sinh, sinh viên, trí thức nhạy bén với thời cuộc và tha thiết canh tân đất nước nên rất hăng hái đấu tranh vì độc lập, tự do của dân tộc.	0,25
	- <i>Giai cấp tư sản</i> : Ra đời sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, bị tư bản Pháp chèn ép, kìm hãm nên số lượng ít, thế lực kinh tế yếu, trong quá trình phát triển bị phân hóa thành hai bộ phận: <i>Tư sản mại bản</i> có quyền lợi gắn với đế quốc nên cấu kết chặt chẽ với chúng. Bộ phận <i>tư sản dân tộc</i> có xu hướng kinh doanh độc lập nên ít nhiều có khuynh hướng dân tộc, dân chủ.	0,25
	- <i>Giai cấp công nhân</i> : Phát triển nhanh về số lượng và chất lượng. Ngoài những đặc điểm chung của công nhân quốc tế, công nhân Việt Nam có những đặc điểm riêng... sớm chịu ảnh hưởng của trào lưu cách mạng vô sản nên đã nhanh chóng vươn lên thành một động lực của phong trào dân tộc dân chủ theo khuynh hướng cách mạng tiên tiến của thời đại.	0,5
	Sự chuyển biến trên, cùng với những tác động của thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã tác động mạnh mẽ đến phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam trong những năm 1919-1930	0,25
	* Tác động đối với phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam:	1,0
	- Sự chuyển biến về xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã bộc lộ những mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam trong đó mâu thuẫn bao trùm là mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp và phản động tay sai.	0,25
	- Tạo cơ sở xã hội để tiếp thu tư tưởng mới làm hình thành hai khuynh hướng cứu nước trong những năm 20 của thế kỷ XX.	0,25
	- Những giai cấp và tầng lớp mới xuất hiện cùng mâu thuẫn gay gắt với thực dân Pháp đã thôi thúc những người có tư tưởng tiến bộ đẩy mạnh hoạt động cứu nước, giải phóng dân tộc.	0,25
	Sự chuyển biến của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phản ánh rõ nét thái độ chính trị và khả năng cách mạng của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam. Từ đó xác định đúng kẻ thù, nhiệm vụ cách mạng cũng như những lực lượng tham gia cách mạng trong phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam.	0,25

.....HẾT.....